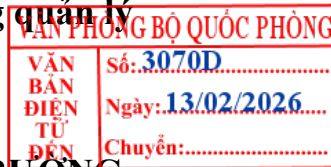


Số: 619 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**



BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **29** thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và **04** thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính được quy định tại các Quyết định sau:

1. Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Các thủ tục hành chính quy định được tại số thứ tự 3, 4, 5, 6 tại Mục A Phần I và tại số thứ tự 3, 4, 5, 6 tại Mục A Phần II tại Phụ lục Thủ tục hành

chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC), Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BHD.

Ne

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Điệp

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp Trung ương				
1	1.009480	Công nhận khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004512	Giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004520	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.004333	Trả lại khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	2.001745	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.000801	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.002048	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

8	1.002025	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	1.001658	Trả lại giấy phép nhận chìm	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	1.000916	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	1.000886	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	1.000853	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.005401	Giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
2	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
3	1.005399	Trả lại khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
5	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
6	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

8	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
9	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
10	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
11	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
12	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
C	Thủ tục hành chính cấp xã				
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển
2	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển
4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển
5	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.001631	Cấp lại giấy phép nhận chìm	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.000835	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
4	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Tên thủ tục: Công nhận khu vực biển (mã số TTHC: 1.009480)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.1.2. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

1.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

1.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

1.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá

nhân.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được lập theo Mẫu số 12 Mục II Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Bản chính Sơ đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Mục II Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

BPMC thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày làm việc;

1.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ, đơn vị có liên quan.

1.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP; trường hợp không công nhận khu vực biển phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10

tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển hoặc danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

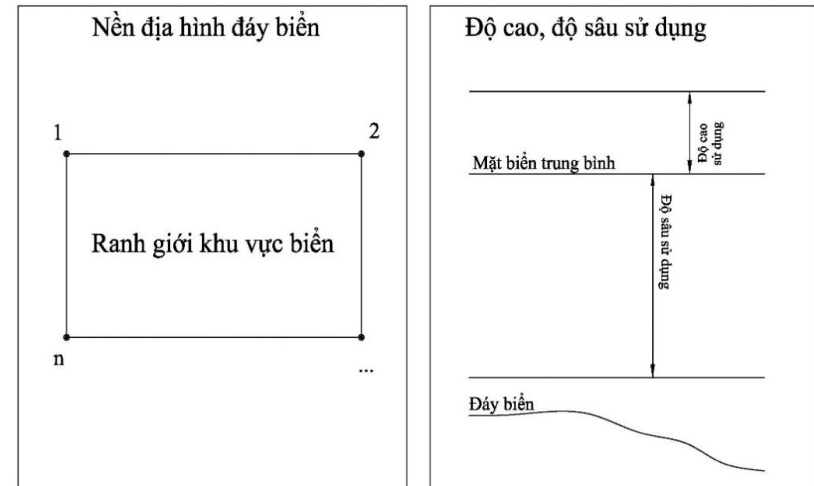
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên Bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có Bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

Khu vực biển sử dụng



Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm



Đường 03 hải lý (nếu có)



Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu

có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm

quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam /Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

2. Tên thủ tục: Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004512)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.1.2. Trong thời hạn không quá 40 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2.1.3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ đã quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

d) Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao

khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2.1.4. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

2.1.5. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

2.1.6. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông

tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.7. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

2.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;

c) Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

đ) Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP .

2.3.2. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản sao văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi

trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định;

c) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2.3.3. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 15 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ;

c) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức nước ngoài; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân nước ngoài;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc, diện tích, độ sâu, độ cao của khu vực biển đề nghị sử dụng.

đ) Các văn bản, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ

BPMC thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường

hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển theo quy, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

2.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.7.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.7.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.7.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển
Mẫu số 15	Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển
Mẫu số 17	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển hoặc danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

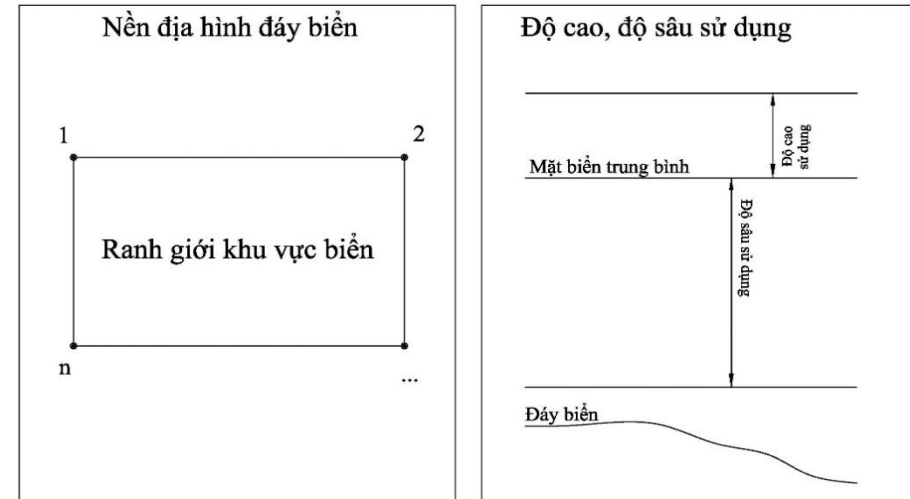
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên Bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có Bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

Khu vực biển sử dụng

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

Đường 03 hải lý (nếu có) Đường 06 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp

và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam /Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN
(Đề nghị giao khu vực biển để.....)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

Địa danh, năm...

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.

- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.

- Mục tiêu hoạt động sử dụng biển; sự phù hợp với quy hoạch; lý do lựa chọn khu vực biển đề xuất.

- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển; khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển; phương án bố trí công trình, phương tiện, thiết bị trên biển; quy mô dự án (công suất, sản lượng, số lượng công trình...); giai đoạn thực hiện: khảo sát – xây dựng – vận hành – chấm dứt hoạt động.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.

2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.

2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.

4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.

5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.

- Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh.

- Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có).

- Phương án bảo đảm an toàn, phòng chống thiên tai, ứng cứu sự cố; an toàn công trình, an toàn hàng hải; kế hoạch ứng cứu tai nạn, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ; thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo đảm an toàn trên biển.

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

7. Phương án chấm dứt hoạt động và phục hồi môi trường; trình tự, biện pháp tháo dỡ công trình; phương án khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tạo giá trị mới; kinh phí và cơ chế bảo đảm tài chính.

III. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. CAM KẾT

Các thông tin, số liệu, tài liệu, sơ đồ, kết quả khảo sát và nội dung trình bày trong Thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển là chính xác, trung thực, hợp pháp và được thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của toàn bộ nội dung, số liệu, tài liệu kèm theo Thuyết minh.

Trường hợp thông tin, số liệu sai lệch, không trung thực hoặc gây ảnh hưởng đến việc giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành mọi biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân cam kết cung cấp bổ sung các tài liệu phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ.

D. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(địa danh), ngày..... tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/
ĐO ĐẠC/QUAN TRẮC/ĐIỀU TRA/THĂM DÒ/KHẢO SÁT TRÊN BIỂN**

1. Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.

3. Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (chi tiết cho từng hạng mục). Các thông tin khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

4. Kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (bao gồm thời hạn, lịch trình chi tiết cho từng hạng mục).

5. Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có).

6. Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có); vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan.

7. Tác động đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

8. Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được.

9. Dự án, hoạt động dự kiến thực hiện, diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, hoạt động dự kiến thực hiện sau khi

hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
Ký (đóng dấu)

(Họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
 - Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hào, nhum biển, bào ngư...)
 - Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)

- Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
- 2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
- 3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương
7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...
8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:
 - Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
 - Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái bền

Chương VIII KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

3. Tên thủ tục: Gia hạn Quyết định giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004520)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

3.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển

quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

3.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC.

3.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 quy định tại Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn để nuôi trồng thủy sản.

- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn, trừ trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

BPMC thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 26 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ

phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 của của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển

Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)
Mẫu số 17	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:... Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số.....cấp ngày.....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày.....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhâncấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng

tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu

có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực

hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam /Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS..

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sống thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
 - Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hào, nhum biển, bào ngư...)
 - Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)

- Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture
 - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
 3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương
7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...
8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:
 - Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
 - Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái biển

Chương VIII KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

4. Tên thủ tục: Trả lại khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004333)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

4.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

4.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân

viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

4.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

4.1.6. Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC.

4.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 của Nghị định số 11/2021/NĐ/CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP);

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

BPMC thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính

phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày.... thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

- Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 07

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại khu vực biển****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số../.../NĐ-CP ngày.. tháng .. năm .. của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.v.v.;¹

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và tổ chức, cá nhân.....có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

5. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (Mã số TTHC: 2.001745)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

5.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

5.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

5.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5.1.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ

sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC.

5.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thể hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

BPMC thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được

đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

5.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan.

5.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)
Mẫu số 17	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Thủ tướng Chính phủ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., tỉnh

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06a

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số/QĐ/BNNMT ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG/
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển...và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sông thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
 - Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hào, nhum biển, bào ngư...)
 - Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)

- Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture
 - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
 3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương
7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...
8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:
 - Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
 - Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái biển

Chương VIII **KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT**

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

6. Tên thủ tục: Cấp giấy phép nhận chìm ở biển

6.1. Trình tự thực hiện

6.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Một cửa Bộ Nông nghiệp và Môi trường (BPMC), dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức BPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

6.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

6.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trả lại hồ sơ cho BPMC kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên BPMC thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

6.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: BPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

6.2. Cách thức thực hiện

6.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc nhận kết quả điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

6.3.1. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 03a quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu này;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

6.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, BPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, BPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, BPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

6.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

6.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

6.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

6.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho BPMC.

6.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 03a	Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	

Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Vật, chất được phép nhận chìm đáp ứng các Điều kiện sau đây:

- Không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản.
- Không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.
- Thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

b) Có phương án nhận chìm bảo đảm yêu cầu: việc nhận chìm ở biển không được gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển.

c) Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên,

môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

**Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC NẠO VẾT, NHẬN CHÌM

1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (khu vực nạo vét, nhận chìm)

Các dữ liệu về các điều kiện tự nhiên gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, văn hóa, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

1.3. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển

1.3.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường: chất lượng của các thành phần môi trường không khí; môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất; môi trường đất, trầm tích.

Trường hợp thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường chưa đầy đủ thì thực hiện đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường.

Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện nạo vét, nhận chìm ở biển.

1.3.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học tại khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển và xung quanh;

1.4. Hiện trạng bờ biển khu vực nạo vét và xung quanh.

1.5. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện.

1.6. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan.

1.7. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn nhận chìm ở biển

Thuyết minh sự phù hợp của vị trí, diện tích khu vực nhận chìm ở biển về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

Chương II **PHƯƠNG ÁN THI CÔNG NẠO VÉT, NHẬN CHÌM**

2.1. Phương án thi công nạo vét

2.2. Phương án thi công nhận chìm

2.2.1. Vị trí và quy mô:

- Xác định rõ tọa độ các điểm giới hạn của khu vực nhận chìm trên sơ đồ, bao gồm cả độ sâu và diện tích. Đánh giá sự phù hợp của độ sâu, diện tích khu vực nhận chìm.

- Tổng khối lượng vật liệu dự kiến nhận chìm (m^3), tính toán dựa trên khối lượng vật, chất nạo vét thực tế (bao gồm hệ số nở dãi, lẫn nước).

- Thời gian dự kiến thực hiện (ngày/tháng/năm).

2.2.2. Đặc điểm chất nhận chìm:

- Nêu rõ nguồn gốc phát sinh của vật liệu (Ví dụ: vật, chất nạo vét từ luồng hàng hải, cảng biển,...).

- Trình bày kết quả phân tích, đánh giá mẫu chất nạo vét theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm: Thành phần hạt; thành phần hóa học; hàm lượng các chất ô nhiễm chính; hàm lượng chất phóng xạ,...

- Khẳng định vật liệu nhận chìm thuộc danh mục được phép theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Phương pháp thi công và thiết bị:

- Thiết bị vận chuyển và nhận chìm: Liệt kê các loại tàu, sà lan, phao tiêu, cần cẩu, thiết bị xả đáy... kèm theo các thông số kỹ thuật (công suất, sức chứa...).

- Quy trình thi công:

+ Mô tả chi tiết quy trình từ lúc nạo vét (nếu là vật, chất nạo vét) đến vận chuyển và nhận chìm.

+ Xác định tuyến đường vận chuyển, tốc độ di chuyển của tàu.

+ Mô tả phương pháp nhận chìm (ví dụ: xả đáy, đổ tại chỗ...).

+ Số lượng chuyển, tần suất nhận chìm trong ngày.

2.2.4. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công nạo vét, nhận chìm ở biển

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải: do nước thải; do bụi, khí thải; do chất thải rắn sinh hoạt; do chất thải rắn thông thường; do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ biển và các vùng đất ven biển; bảo đảm sự lưu thông của các phương tiện trên biển; diễn biến bồi lắng, sạt lở bờ biển. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.
- Đối với xói lở, bồi lắng: quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng.
- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).
- Luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ bờ biển, ven biển theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động đến bờ biển, ven biển.
- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

3.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)

(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- 1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- 1.2. Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).
- 1.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).

Chương II

PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- 2.1. Trình bày về vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- 2.2. Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- 2.3. Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.
- 2.4. Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.
- 2.5. Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại nguồn phát sinh.
- 2.6. Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.
- 2.7. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển có thể gây ra.

3.2 Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

3.3. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện vận chuyển đến khu vực nhận chìm vật chất và trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)(nếu có).

Đề nghị được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, cụ thể như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật đề nghị nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của chất đề nghị nhận chìm;

2. Địa điểm khu vực đề nghị được nhận chìm: tại xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố....;

3. Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm là: ... (ha, Km²), được giới hạn bởi các Điểm góc..... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm gửi kèm theo;

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm;

5. Thời điểm và thời hạn đề nghị thực hiện hoạt động nhận chìm.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

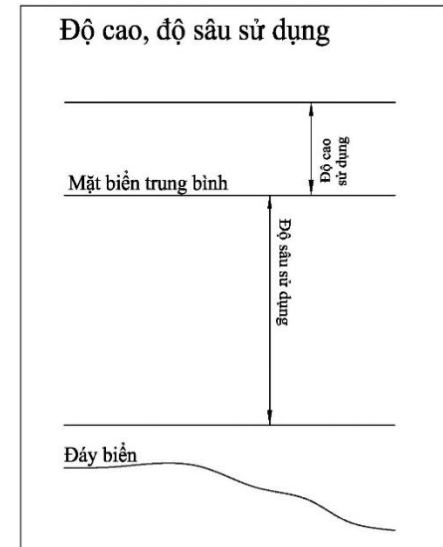
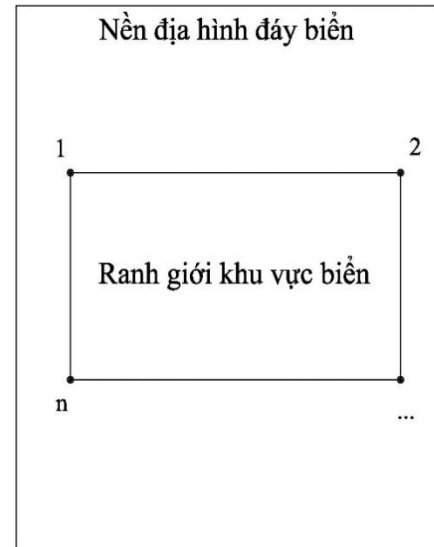
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 03 hải lý (nếu có)
- Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NNMT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

7. Tên thủ tục: Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.002048)

7.1. Trình tự thực hiện

7.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho BPMC, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức BPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

7.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

7.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trả lại hồ sơ cho BPMC kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên BPMC thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

7.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: BPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

7.2. Cách thức thực hiện

7.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc nhận kết quả điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

7.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

7.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

7.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, BPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, BPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, BPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

7.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

7.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

7.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

7.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn), Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho BPMC.

7.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 06	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Giấy phép nhận chìm còn hiệu lực ít nhất là 60 ngày.

b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày.... tháng... năm... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày thángnăm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên, thời gian đề
 nghị gia hạn là: (tháng/năm).

Lý do đề nghị gia hạn:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

8. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.002025)

8.1. Trình tự thực hiện

8.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho BPMC, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

8.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức BPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

8.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

8.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trả lại hồ sơ cho BPMC kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên BPMC thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

8.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: BPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

8.2. Cách thức thực hiện

8.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

8.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

8.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu tại điểm này;

d) Sơ đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết

8.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, BPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, BPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, BPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

8.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

8.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

8.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

8.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung), Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho BPMC.

8.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- a) Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày;
- b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;
- c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN**

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

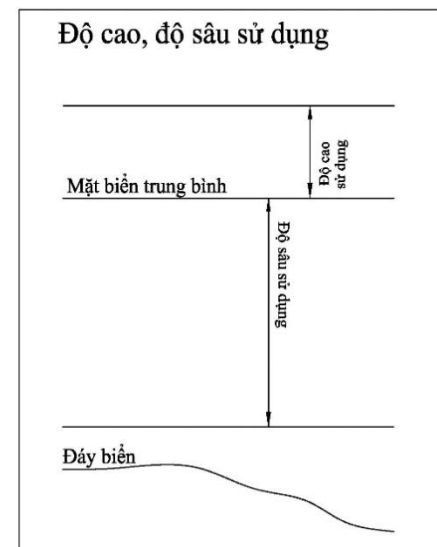
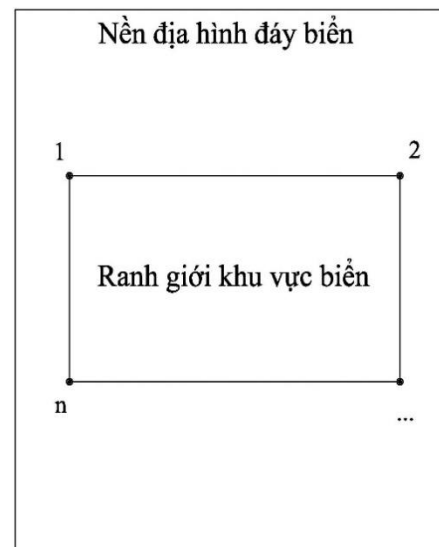
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mếp nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.
5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.
6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- 7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.
3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NNMT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

9. Tên thủ tục: Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.001658)

9.1. Trình tự thực hiện

9.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho BPMC, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức BPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

9.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

9.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trả lại hồ sơ cho BPMC kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên BPMC thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

9.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: BPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

9.2. Cách thức thực hiện

9.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho BPMC, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại BPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

9.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết

9.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, BPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, BPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, BPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, BPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

9.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

9.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

9.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

9.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho BPMC.

9.8. Phí, lệ phí: không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 07	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

9.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực.

9.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

9.10.3. Đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 07**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:, Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 12**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(ỦY BAN NHÂN DÂN ...)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(BNNMT, UBND)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển**
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....)*Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../..../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm....);**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép nhận chìm ở biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân).....;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.....),***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (UBND tỉnh...).**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động nhận chìm ở biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục BHĐVN;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố...;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy

mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....
 ...

 ...

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

10. Tên thủ tục: Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (mã số TTHC: 1.000916)

10.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức liên chính phủ gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học thông qua đường ngoại giao.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, tổ chức liên chính phủ chưa có cơ quan đại diện tại Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Thời gian thực hiện: chậm nhất 06 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

Đối với các trường hợp có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển mà có ý kiến không đồng ý của 01 trong các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

Thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép là trong vòng 20 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác. Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

Chậm nhất trong **thời hạn 120 ngày** kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định; trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp từ chối cấp phép theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Thời hạn ra quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học đối với trường hợp nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 thì thời hạn 120 ngày xem xét ra quyết định cấp phép được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh bổ sung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

10.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo Điều 15, Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: thực hiện theo Điều 15, Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026;

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Thời hạn lấy ý kiến: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

c) Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

đ) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Người có thẩm quyền cấp phép*: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cơ quan giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

10.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập; tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ; cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước nơi cá nhân mang quốc tịch;

- Có nhu cầu nghiên cứu khoa học độc lập hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với phía Việt Nam; đối với trường hợp nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam thì phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, hoạt động quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không gây ô nhiễm môi trường biển; không cản trở các hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong vùng biển Việt Nam;

- Có đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;
- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh...

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:

Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):

Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):

1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):

Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):

1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):

Tên tổ chức:

Người đại diện tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):

1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tên nhà khoa học:

Quốc tịch:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):

1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):

Tên nhà khoa học:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:

2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:

2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)

3.2. Sơ đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền (nếu có):

Tên:

Loại:

Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):

Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):

Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:

Chủ sở hữu:

Chủ sử dụng:

Tổng chiều dài (mét):

Hạ thủy tối đa (mét):

Tổng trọng tải:

Động cơ:

Tốc độ tối đa:

Ký hiệu:

Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):

Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):

Tên thuyền trưởng:

Số thuyền viên:

Số các nhà khoa học trên tàu:

Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:

Các thông tin có liên quan khác:

4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay (nếu có):

Tên:

Loại:

Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):

Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:

Chủ sở hữu:

Chủ sử dụng:

Tổng chiều dài:

Tổng trọng tải:

Tốc độ tối đa:

Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):

Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):

Chi tiết về gói cảm biến:

Thông tin liên quan khác:

4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:

4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:

Các loại mẫu vật và
phương pháp lấy mẫu

Phương pháp sử dụng

Công cụ được sử dụng

4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:

4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nêu rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):

4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:

6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng (nếu có)

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:

7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng:

7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu:

8. Đăng ký thông tin liên lạc (nếu có)

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:

8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:

8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam (nếu có)

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức đề cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....***Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm;**Căn Cứ.....;**Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày .. tháng . năm . đến ngày .. tháng... năm

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

11. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (mã số TTHC: 1.000886)

11.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian gửi hồ sơ: chậm nhất 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ

quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

11.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép hoặc thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Người có thẩm quyền cấp phép*: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cơ quan giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

11.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (sửa đổi, bổ sung).

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định;

- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân:Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có) ./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm;

Căn Cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày .. tháng . năm . đến ngày .. tháng... năm

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

12. Tên thủ tục: Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (mã số TTHC: 1.000853)

12.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn, Bộ Nông nghiệp và môi trường tổ chức thẩm định đề nghị gia hạn quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

12.2. Cách thức thực hiện

a) *Cách thức nộp hồ sơ*: gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*:

- Đơn đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ thời gian, lý do đề nghị gia hạn được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) *Thời hạn giải quyết hồ sơ*: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Người có thẩm quyền cấp phép*: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cơ quan giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

12.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 03: Đơn đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 06: Quyết định về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp còn hiệu lực và thời hạn còn lại ít nhất là 90 ngày.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.**3. Đề nghị được gia hạn Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:**

Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.**5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:**

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... có trách nhiệm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

B. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục: Công nhận khu vực biển (Mã số TTHC: 1.009481)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.1.2. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

1.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

1.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông

tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

1.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được lập theo Mẫu số 12 Mục II Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Bản chính Sơ đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Không quá 12 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời

gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

1.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển.

1.6.1. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.6.2 Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP; trường hợp không công nhận khu vực biển phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển.
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển.
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 11/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 51/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

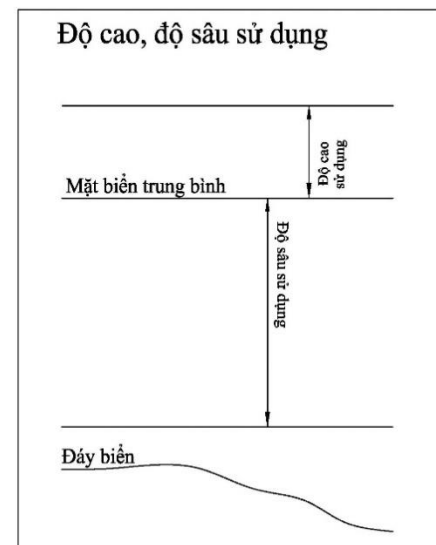
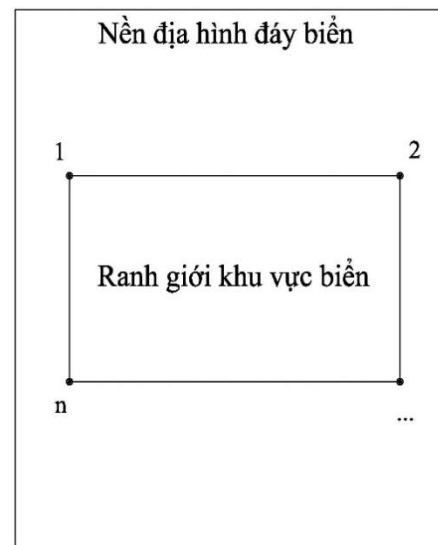
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:
- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).
- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).
- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.
3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.
4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.
5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).
6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.
7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách

nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

2. Tên thủ tục: Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.005401)

21. Trình tự thực hiện

2.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.1.2. Trong thời hạn không quá 40 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2.1.3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ đã quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

b) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

đ) Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề

ngiht giao khu vực biĩn thì cơ quan có thĩm quyền giao khu vực biĩn quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2.1.4. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

2.1.5. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biĩn hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biĩn quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biĩn, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biĩn, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thĩm quyền giao khu vực biĩn.

2.1.6. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thĩm quyền giao khu vực biĩn.

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thĩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biĩn.

Trường hợp người có thĩm quyền quyết định không giao khu vực biĩn, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức,

viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.7. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;

c) Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

đ) Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP .

2.3.2. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản

theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản;

c) Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2.3.3. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

2.3.4. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

b) Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 15 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ;

c) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức nước ngoài; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân nước ngoài;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc, diện tích, độ sâu, độ cao của khu vực biển đề nghị sử dụng.

đ) Các văn bản, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Không quá 40 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ

quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định.
- Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).
- Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.
- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.
- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.
- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.
- Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

2.6.1. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.6.2 Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao/công nhận khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển
Mẫu số 15	Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/ điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/NĐ-CP;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biên và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 01

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m; từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển hoặc danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đổi với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO

(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển củađể nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh...

Diện tích của khu vực biển: ... (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

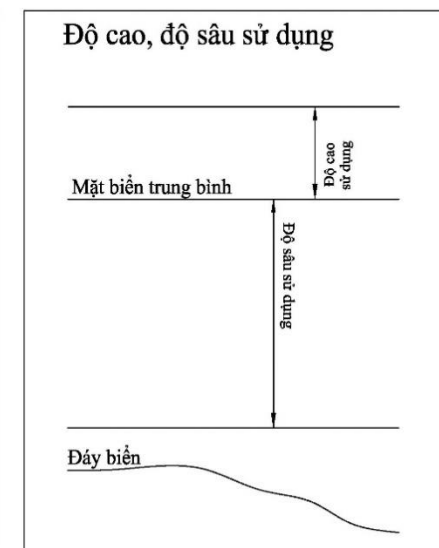
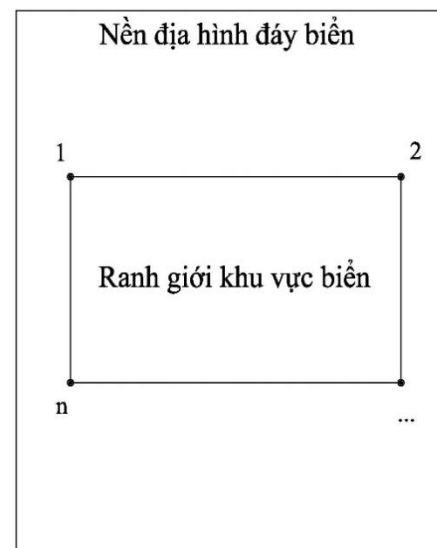
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu...Hệ quy chiếu... Độ sâu theo....được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:



Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)



Khu vực biển sử dụng

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao khu vực biển****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho: (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8.(các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,...., (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

-;

- BNNMT/BHĐ;

- Sở NNMT tỉnh ...;

- Cơ quan Thuế

- UBND xã ..;

- Tên tổ chức, cá nhân;

- Lưu: VT, HS.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**
(Đề nghị giao sử dụng khu vực biển đề)**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)**
(Chức danh)**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu nếu có)**Ký (đóng dấu nếu có)***(Họ và tên)****(Họ và tên)****Địa danh, năm ...**

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.

- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.

- Mục tiêu hoạt động sử dụng biển; sự phù hợp với quy hoạch; lý do lựa chọn khu vực biển đề xuất.

- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển; khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển; phương án bố trí công trình, phương tiện, thiết bị trên biển; quy mô dự án (công suất, sản lượng, số lượng công trình...); giai đoạn thực hiện: khảo sát - xây dựng - vận hành - chấm dứt hoạt động.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.

2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.

2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.

4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.

5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.

- Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh.

- Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có).

- Phương án bảo đảm an toàn, phòng chống thiên tai, ứng cứu sự cố; an toàn công trình, an toàn hàng hải; kế hoạch ứng cứu tai nạn, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ; thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo đảm an toàn trên biển..

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

7. Phương án chấm dứt hoạt động và phục hồi môi trường; trình tự, biện pháp tháo dỡ công trình; phương án khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tạo giá trị mới; kinh phí và cơ chế bảo đảm tài chính.

III. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. CAM KẾT

Các thông tin, số liệu, tài liệu, sơ đồ, kết quả khảo sát và nội dung trình bày trong Thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển là chính xác, trung thực, hợp pháp và được thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của toàn bộ nội dung, số liệu, tài liệu kèm theo Thuyết minh.

Trường hợp thông tin, số liệu sai lệch, không trung thực hoặc gây ảnh hưởng đến việc giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành mọi biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân cam kết cung cấp bổ sung các tài liệu phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ.

D. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(địa danh), ngày..... tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/
ĐO ĐẠC/QUAN TRẮC/ĐIỀU TRA/THĂM DÒ/KHẢO SÁT TRÊN BIỂN**

1. Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.

3. Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (chi tiết cho từng hạng mục). Các thông tin khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

4. Kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (bao gồm thời hạn, lịch trình chi tiết cho từng hạng mục).

5. Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có).

6. Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có); vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan.

7. Tác động đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

8. Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được.

9. Dự án, hoạt động dự kiến thực hiện, diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, hoạt động dự kiến thực hiện sau khi

hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ký (đóng dấu)

(Họ và tên)

3. Tên thủ tục: Gia hạn Quyết định giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004935)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

3.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

3.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử

cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 quy định tại Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn, trừ trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá

nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển.

2.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

2.6.3. Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP; trường hợp không công nhận khu vực biển phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)
Mẫu số 17	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Tổ chức, cá nhân đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển;
- b) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn;
- c) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;
- d) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân....cấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện ., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămỦy ban nhân dân cấp tỉnh...

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho: (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).**

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

.....

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8.(các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,...., (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

-

- BNNMT/BHĐ;

- Sở NNMT tỉnh ...;

- Cơ quan Thuế

- UBND xã ...;

- Tên tổ chức, cá nhân;

- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

**UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

4. Tên thủ tục: Trả lại khu vực biển (Mã số TTHC: 1.005399)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

4.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

4.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân

không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

4.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

4.1.6. Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.2.3. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển bao gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ/CP;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 12 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Bản chính Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần

diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian xin ý kiến các cơ quan có liên quan không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

4.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

4.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần khu vực biển, việc cho phép trả lại được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại. Trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển.
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng;

b) Tổ chức, cá nhân trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục

hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao mà trả lại; phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác tài nguyên không tái tạo không được trả lại một phần diện tích khu vực biển đã được giao;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số.....cấp ngày..... thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày.....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

- Ngày,tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giao khu vực biển.

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tíchtrong tổng số diện tích.....ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN
(Còn lại sau khi đã trả một phần khu vực biển)
Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Mẫu số 05

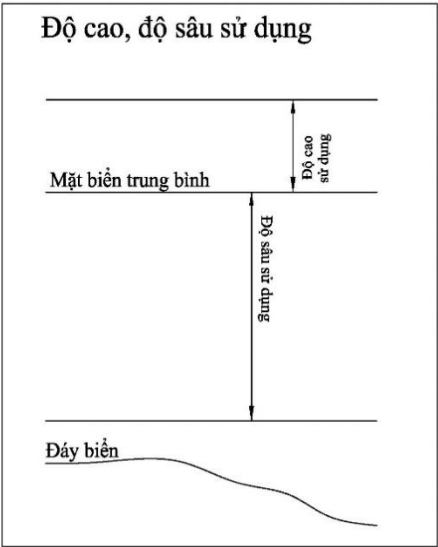
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải: Khu vực biển sử dụng

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ...;²**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

² Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức, cá nhân... có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNN&MT/TCBHĐVBN;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Cục Thuế cấp tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NN&MT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.....

điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

5. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.005400)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1 Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

5.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

5.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

5.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5.1.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

5.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua

dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thể hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công

cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 25 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

5.5. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

- Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

5.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

5.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.7.1. *Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

5.7.2. *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

5.7.3. *Cơ quan phối hợp:* Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực

biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.9. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)
Mẫu số 17	Đề cương thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản (Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu cá nhân hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân đã chết mà có người thừa kế;

- Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển (chỉ được thực hiện khi khu vực biển đó đã được đầu tư theo dự án); thay đổi nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận, điều chỉnh theo quy định của pháp luật đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp;

- Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật;

- Thay đổi nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng

thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định dẫn đến thay đổi nội dung quyết định giao khu vực biển.

b) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực;

d) Việc sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của quyết định giao khu vực biển trước đó;

đ) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển, thay đổi nhà đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., huyện....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào

được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật

có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

6. Tên thủ tục: Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.005189)

6.1. Trình tự thực hiện

6.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (UBND tỉnh) nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

6.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường (Sở NNMT) là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong tỉnh, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

6.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở NNMT trình UBND tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

6.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

6.2. Cách thức thực hiện

6.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

6.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

6.3.1. Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 03a quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu này;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

6.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT.

6.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày

nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

6.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

6.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

6.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở NNMT.

6.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

6.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 03a	Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	

Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	
-----------	---	--

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Vật, chất được phép nhận chìm đáp ứng các Điều kiện sau đây:

- Không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản.
- Không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.
- Thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

b) Có phương án nhận chìm bảo đảm yêu cầu: việc nhận chìm ở biển không được gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển.

c) Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

**Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC NẠO VẾT, NHẬN CHÌM

1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (khu vực nạo vét, nhận chìm)

Các dữ liệu về các điều kiện tự nhiên gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, văn hóa, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

1.3. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển

1.3.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường: chất lượng của các thành phần môi trường không khí; môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất; môi trường đất, trầm tích.

Trường hợp thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường chưa đầy đủ thì thực hiện đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường.

Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện nạo vét, nhận chìm ở biển.

1.3.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học tại khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển và xung quanh;

1.4. Hiện trạng bờ biển khu vực nạo vét và xung quanh.

1.5. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện.

1.6. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan.

1.7. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn nhận chìm ở biển

Thuyết minh sự phù hợp của vị trí, diện tích khu vực nhận chìm ở biển về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

Chương II **PHƯƠNG ÁN THI CÔNG NẠO VÉT, NHẬN CHÌM**

2.1. Phương án thi công nạo vét

2.2. Phương án thi công nhận chìm

2.2.1. Vị trí và quy mô:

- Xác định rõ tọa độ các điểm giới hạn của khu vực nhận chìm trên sơ đồ, bao gồm cả độ sâu và diện tích. Đánh giá sự phù hợp của độ sâu, diện tích khu vực nhận chìm.

- Tổng khối lượng vật liệu dự kiến nhận chìm (m^3), tính toán dựa trên khối lượng vật, chất nạo vét thực tế (bao gồm hệ số nở dãi, lẫn nước).

- Thời gian dự kiến thực hiện (ngày/tháng/năm).

2.2.2. Đặc điểm chất nhận chìm:

- Nêu rõ nguồn gốc phát sinh của vật liệu (Ví dụ: vật, chất nạo vét từ luồng hàng hải, cảng biển,...).

- Trình bày kết quả phân tích, đánh giá mẫu chất nạo vét theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm: Thành phần hạt; thành phần hóa học; hàm lượng các chất ô nhiễm chính; hàm lượng chất phóng xạ,...

- Khẳng định vật liệu nhận chìm thuộc danh mục được phép theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Phương pháp thi công và thiết bị:

- Thiết bị vận chuyển và nhận chìm: Liệt kê các loại tàu, sà lan, phao tiêu, cần cẩu, thiết bị xả đáy... kèm theo các thông số kỹ thuật (công suất, sức chứa...).

- Quy trình thi công:

+ Mô tả chi tiết quy trình từ lúc nạo vét (nếu là vật, chất nạo vét) đến vận chuyển và nhận chìm.

+ Xác định tuyến đường vận chuyển, tốc độ di chuyển của tàu.

+ Mô tả phương pháp nhận chìm (ví dụ: xả đáy, đổ tại chỗ...).

+ Số lượng chuyển, tần suất nhận chìm trong ngày.

2.2.4. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công nạo vét, nhận chìm ở biển

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải: do nước thải; do bụi, khí thải; do chất thải rắn sinh hoạt; do chất thải rắn thông thường; do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ biển và các vùng đất ven biển; bảo đảm sự lưu thông của các phương tiện trên biển; diễn biến bồi lắng, sạt lở bờ biển. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.
- Đối với xói lở, bồi lắng: quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng.
- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).
- Luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ bờ biển, ven biển theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động đến bờ biển, ven biển.
- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

3.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.
- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)

(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- 1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- 1.2. Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).
- 1.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).

Chương II PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- 2.1. Trình bày về vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- 2.2. Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- 2.3. Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.

2.4. Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.

2.5. Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại nguồn phát sinh.

2.6. Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.

2.7. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

3.1. Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển có thể gây ra.

3.2 Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

3.3. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện vận chuyển đến khu vực nhận chìm vật chất và trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ **B. PHẦN BẢN VẼ**

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)(nếu có).

Đề nghị được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, cụ thể như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật đề nghị nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của chất đề nghị nhận chìm;
2. Địa điểm khu vực đề nghị được nhận chìm: tại xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố....;
3. Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm là: ... (ha, Km²), được giới hạn bởi các Điểm góc..... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm gửi kèm theo;
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm;
5. Thời điểm và thời hạn đề nghị thực hiện hoạt động nhận chìm.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

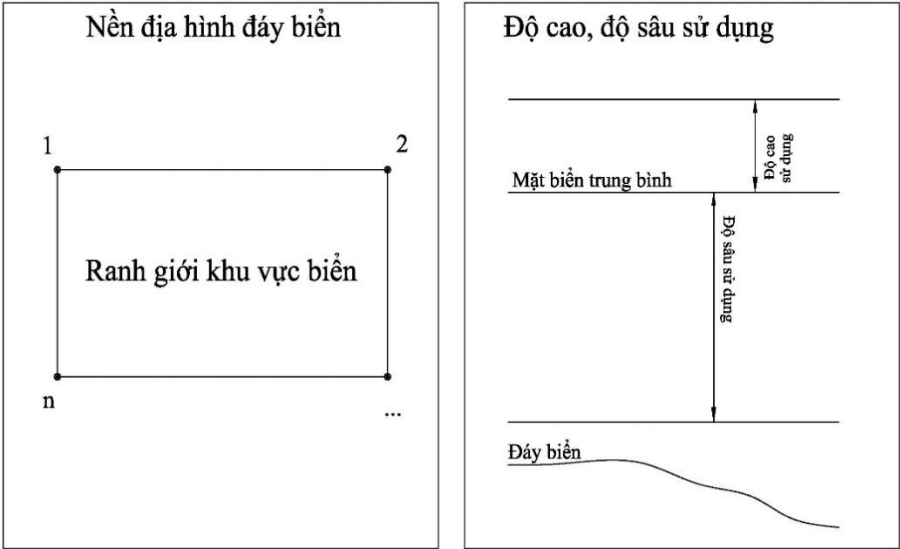
SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:
- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:
 Khu vực biển sử dụng
 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

7. Tên thủ tục: Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển cấp tỉnh (Mã số TTHC: 2.000472)

7.1. Trình tự thực hiện

7.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của UBND tỉnh nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

7.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở NNMT là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong tỉnh, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

7.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở NNMT trình UBND tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

7.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

7.2. Cách thức thực hiện

7.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

7.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

7.3.1. Thành phần hồ sơ

7.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

7.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

7.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT.

7.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

7.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

7.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

7.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở NNMT.

7.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn), Sở NNMT gửi văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

7.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 06	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Giấy phép nhận chìm còn hiệu lực ít nhất là 60 ngày.

b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày thángnăm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên, thời gian đề
 nghị gia hạn là: (tháng/năm).

Lý do đề nghị gia hạn:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

....., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

8. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.000969)

8.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của UBND tỉnh nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

8.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

8.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở NNMT là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong tỉnh, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

8.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở NNMT trình UBND tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

8.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

8.2. Cách thức thực hiện

8.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

8.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

8.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu tại điểm này;

d) Sơ đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết

8.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT.

8.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

8.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

8.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

8.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở NNMT.

8.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung), Sở NNMT gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

8.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo	

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
	vết và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- a) Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày;
- b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;
- c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm.... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

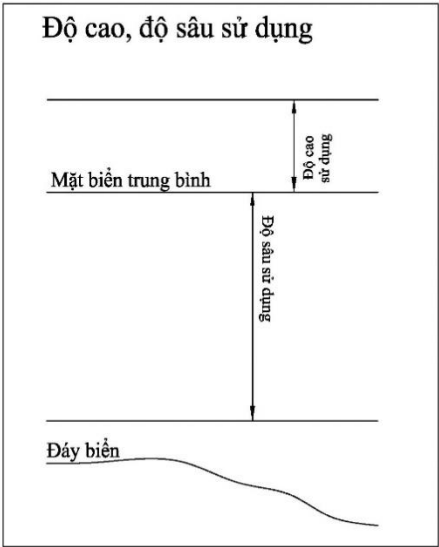
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mếp nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

**Số.....
Ngày cấp.....**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân) nộp tại.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....
6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.
5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.
6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- 7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.
3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa,

ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biên.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

9. Tên thủ tục: Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 1.000942)

9.1. Trình tự thực hiện

9.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp UBND tỉnh nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

9.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở NNMT là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong tỉnh, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

9.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở NNMT trình UBND tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

9.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh C thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

9.2. Cách thức thực hiện

9.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

9.3.1. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b) Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết

9.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT.

9.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

9.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

9.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

9.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở NNMT.

9.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

9.8. Phí, lệ phí: không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 07	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

9.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực.

9.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

9.10.3. Đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 07**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:, Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 12**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(ỦY BAN NHÂN DÂN ...)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-(BNNMT, UBND)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển**
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....)

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm....);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép nhận chìm ở biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (UBND tỉnh...).

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động nhận chìm ở biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục BHĐVN;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố...;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm:

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

10. Tên thủ tục: Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển (mã số TTHC: 3.000435)

10.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức liên chính phủ gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học thông qua đường ngoại giao.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, tổ chức liên chính phủ chưa có cơ quan đại diện tại Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Thời gian thực hiện: chậm nhất 06 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

Đối với các trường hợp có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển mà có ý kiến không đồng ý của 01 trong các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

Thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép là trong vòng 30 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy

biển, lòng đất dưới đáy biển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác. Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

Chậm nhất trong **thời hạn 120 ngày** kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định; trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp từ chối cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh;

nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Thời hạn ra quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học đối với trường hợp nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 thì thời hạn 120 ngày xem xét ra quyết định cấp phép được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghi

n cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh bổ sung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

10.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo Điều 15, Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: thực hiện theo Điều 15, Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.”.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026;

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Thời hạn lấy ý kiến: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

c) Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

đ) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Người có thẩm quyền cấp phép: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

b) Cơ quan giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

10.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập; tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ; cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước nơi cá nhân mang quốc tịch;

- Có nhu cầu nghiên cứu khoa học độc lập hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với phía Việt Nam; đối với trường hợp nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam thì phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, hoạt động quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không gây ô nhiễm môi trường biển; không cản trở các hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong vùng biển Việt Nam;

- Có đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh...

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:

Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):

Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):

1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):

Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):

1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):

Tên tổ chức:

Người đại diện tổ chức:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):

1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tên nhà khoa học:

Quốc tịch:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):

1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):

Tên nhà khoa học:

Chức danh, tổ chức nơi làm việc:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:

2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:

2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)

3.2. Sơ đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền (nếu có):

Tên:

Loại:

Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):

Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):

Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:

Chủ sở hữu:

Chủ sử dụng:

Tổng chiều dài (mét):

Hạ thủy tối đa (mét):

Tổng trọng tải:

Động cơ:

Tốc độ tối đa:

Ký hiệu:

Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):

Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):

Tên thuyền trưởng:

Số thuyền viên:

Số các nhà khoa học trên tàu:

Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:

Các thông tin có liên quan khác:

4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay (nếu có):

Tên:

Loại:

Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):

Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:

Chủ sở hữu:

Chủ sử dụng:

Tổng chiều dài:

Tổng trọng tải:

Tốc độ tối đa:

Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):

Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):

Chi tiết về gói cảm biến:

Thông tin liên quan khác:

4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:

4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:

Các loại mẫu vật và
phương pháp lấy mẫu

Phương pháp sử dụng

Công cụ được sử dụng

4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:

4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nêu rõ, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):

4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:

6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng (nếu có)

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:

7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng:

7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu:

8. Đăng ký thông tin liên lạc (nếu có)

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:

8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:

8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam (nếu có)

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức đề cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm;

Căn Cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày .. tháng . năm . đến ngày .. tháng... năm

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

11. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển (mã số TTHC: 3.000436)

11.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian gửi hồ sơ: chậm nhất 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước

ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

11.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép hoặc thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Người có thẩm quyền cấp phép*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

b) *Cơ quan giải quyết hồ sơ*: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

11.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (sửa đổi, bổ sung).

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định;

- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân:Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có)/.

Tổ chức/cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)¹

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm;

Căn Cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày .. tháng . năm . đến ngày .. tháng... năm

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

12. Tên thủ tục: Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (mã số TTHC: 3.000437)

12.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định đề nghị gia hạn quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

12.2. Cách thức thực hiện

a) *Cách thức nộp hồ sơ*: gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*:

- Đơn đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ thời gian, lý do đề nghị gia hạn được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) *Thời hạn giải quyết hồ sơ*: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

12.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 03: Đơn đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 06: Quyết định về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp còn hiệu lực và thời hạn còn lại ít nhất là 90 ngày.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị được gia hạn Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ.....;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số ... /QĐ-BNNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố... cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... có trách nhiệm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

C. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

1. Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số:3.000439)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.1.2. Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

1.1.3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

a) Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

1.1.4. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

1.1.5. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định

số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

1.1.6. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.1.7. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho cá nhân Việt Nam.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

b) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

d) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến cá nhân Việt Nam. Cá nhân Việt Nam gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu cá nhân Việt Nam không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ; trường hợp không giao khu vực biển thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

1.5.1. Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

1.5.2. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (Nghị định số 44/2026/NĐ-CP) và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại

Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

1.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

1.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã...³

Tên cá nhân

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

³ Người có thẩm quyền giao.

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

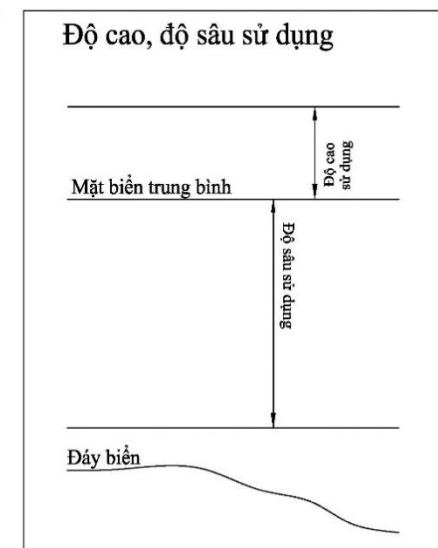
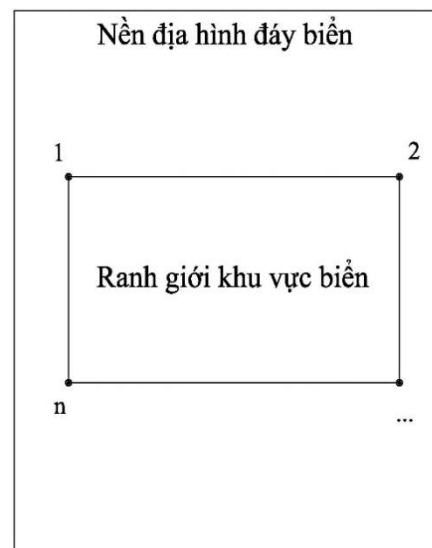
Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

— — — Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sồng thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000440)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

2.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

2.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng

văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

2.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho cá nhân Việt Nam.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 quy định tại Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 65/2025/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

Cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển chậm nhất 03 tháng trước khi Quyết định giao khu vực biển đã được cấp hết thời hạn”.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển;

e) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP

(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

2.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

2.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc sổ định danh cá nhâncấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).****2. Mục đích sử dụng khu vực biển:**

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

TÊN CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THÔNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sông thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000441)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

3.1.2. Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

3.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

3.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần

bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

3.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.1.6. Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.”.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho cá nhân.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 Mục II Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn

thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định trả lại khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

3.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai

thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.... về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cho phép trả lại khu vực biển****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;⁴

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên cá nhân) được trả lại khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.....

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email.....

⁴ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xãvà tổ chức, cá nhân.....có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

TÊN CÁ NHÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000442)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.1.2. Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

4.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

4.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu

vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

4.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

4.1.6. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan

tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

b) Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực

biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

4.6.2. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06a Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển)

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC
 BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng... năm... do.... cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp xã... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., tỉnh....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/
 CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../ND-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số/QĐ-BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số/QĐ/BNNMT/UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

**BỘ TRƯỞNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP TỈNH/CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hàu, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sồng thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: 3.000443)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Cá nhân Việt Nam có nhu cầu công nhận khu vực biển nộp hồ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

5.1.2. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

a) Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

b) Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

5.1.3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

a) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

5.1.4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực

biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

5.1.5. Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5.1.6. Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép cá nhân khai

thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Sơ đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.”.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá

nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biên quyết định công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

5.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

5.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển

Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
-----------	--

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):.....

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:..../QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;**Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8. (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

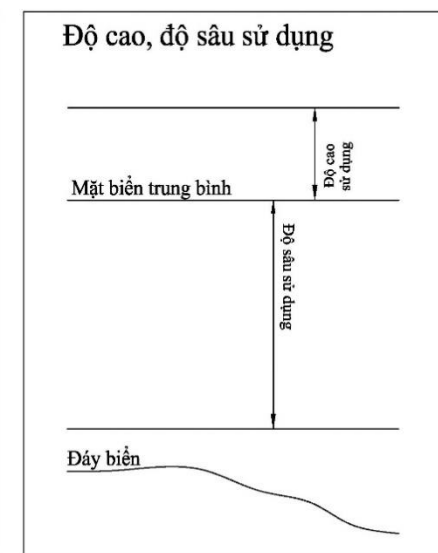
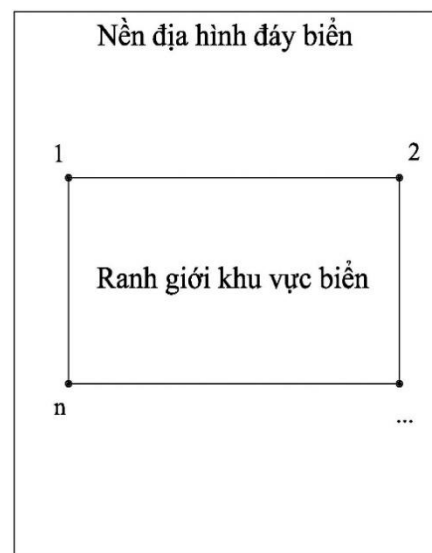
(Ký tên, đóng dấu)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)...

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

— — — Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....
.....
.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...